

# ATE Series

## DIN W48 x H48mm Solid-State, Bộ đặt thời gian ON Delay

### ■ Đặc điểm

- DIN W48 x H48mm
- Loại dễ hoạt động
- Mang lại lợi nhuận
- Dễ dàng cài đặt thời gian
- Dải thời gian rộng
- Nguồn cấp:
  - ATE : 110/220VAC 50/60Hz
  - ATE1, ATE2 : 110VAC, 220VAC 50/60Hz, 12VDC, 24VDC



**⚠ Please read "Caution for your safety" in operation manual before using.**

### ■ Thông tin đặt hàng

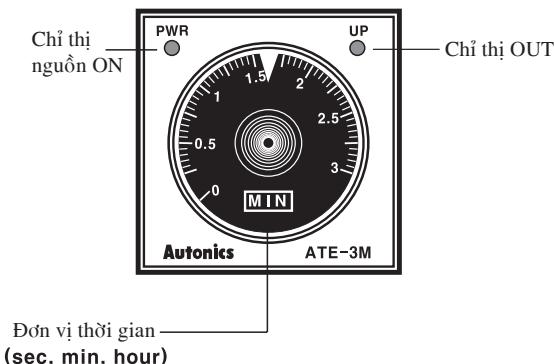
ATE		—	10	S	s	sec(1, 3, 6, 10, 30, 60)
					m	min(3, 6, 10, 30, 60)
					h	hour(3, 6, 12, 24)
				Số	Dải thời gian Max.	
						Time-limit SPDT(1c), Instantaneous SPST(1a)
			1			Time-limit DPDT(2c)
			2			Time-limit SPDT(1c), Instantaneous SPDT(1c)
			ATE			Bộ đặt thời gian ON Delay

### ■ Thông số kỹ thuật

Model	ATE- s m h	ATE1- s m h	ATE2- s m h
<b>Chức năng</b>			
Dải cài đặt thời gian điều khiển	<b>sec</b> (1, 3, 6, 10, 30, 60), <b>min</b> (3, 6, 10, 30, 60), <b>hour</b> (3, 6, 12, 24)		
Nguồn cấp	110/220VAC 50/60Hz	110VAC, 220VAC 50/60Hz, 12VDC, 24VDC	
Dải điện áp cho phép	90 - 110% điện áp định mức		
Công suất tiêu thụ	Khoảng. 10VA (240VAC 60Hz), Khoảng. 2W (24VDC, 12VDC)		
Thời gian trở về		Max. 200ms	
<b>Loại hoạt động</b>			
Ngõ ra điều khiển	Loại tiếp điểm	Time limit SPDT(1c), Instantaneous SPST(1a)	Time limit DPDT(2c)
	Công suất tiếp điểm	250VAC 3A với tải có điện trở	
Tuổi thọ Relay	Cơ khí	Min. 10,000,000 lần	
	Điện	Min. 100,000 lần (250VAC 3A với tải có điện trở)	
Lỗi lặp lại		Max. ±0.3%	
Lỗi cài đặt		Max. ±5% ±0.05sec	
Lỗi điện áp		Max. ±0.5%	
Lỗi nhiệt độ		Max. ±2%	
Điện trở cách ly		100MΩ (at 500VDC)	
Độ bền điện môi		2000VAC 50/60Hz trong 1 phút	
Độ bền chống nhiễu		±2kV nhiễu sóng vuông (độ rộng xung: 1μs) bởi nhiễu do máy móc	
Chấn động	Cơ khí	0.75mm biên độ tần số 10 - 55Hz trên mỗi phương X, Y, Z trong 1 giờ	
	Sự cố	0.5mm biên độ tần số 10 - 55Hz trên mỗi phương X, Y, Z trong 10 phút	
Vibration	Cơ khí	300m/s²(Khoảng. 30G) trên mỗi phương X, Y, Z trong 3 lần	
	Sự cố	100m/s²(Khoảng. 10G) trên mỗi phương X, Y, Z trong 3 lần	
Nhiệt độ môi trường		-10 ~ 55°C (ở trạng thái không đóng)	
Nhiệt độ lưu trữ		-25 ~ 65°C (ở trạng thái không đóng)	
Độ ẩm môi trường		35 ~ 85%RH	
Trọng lượng		Khoảng. 75g	

# Bộ Đặt Thời Gian Một Dải Thời Gian

## ■ Định dạng mặt trước



## ■ Dải thời gian cài đặt

Dải cài đặt Max.	Dải thời gian
1sec	0~1sec
3sec	0~3sec
6sec	0~6sec
10sec	0~10sec
30sec	0~30sec
60sec	0~60sec
3min	0~3min
6min	0~6min
10min	0~10min
30min	0~30min
60min	0~60min
3hour	0~3hour
6hour	0~6hour
12hour	0~12hour
24hour	0~24hour

## ■ Chế độ hoạt động

t: Thời gian cài đặt, Rt: Thời gian trễ về

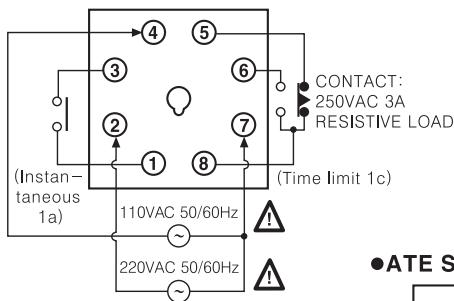
Model	Biểu đồ thời gian		
<b>ATE</b>	Power 2-7	t	Rt
	Instantaneous NO 1-3		t
	Time limit NC 8-5		
	Time limit NO 8-6		
	UP LED		
<b>ATE1</b>	Power 2-7	t	Rt
	Time limit NC 1-4 (8-5)		t
	Time limit NO 1-3 (8-6)		
	UP LED		
<b>ATE2</b>	Power 2-7	t	Rt
	Instantaneous NC 1-4		t
	Instantaneous NO 1-3		
	Time limit NC 8-5		
	Time limit NO 8-6		
	UP LED		

- (A) Counter
- (B) Timer
- (C) Temp. controller
- (D) Power controller
- (E) Panel meter
- (F) Tacho/ Speed/ Pulse meter
- (G) Display unit
- (H) Sensor controller
- (I) Switching power supply
- (J) Proximity sensor
- (K) Photo electric sensor
- (L) Pressure sensor
- (M) Rotary encoder
- (N) Stepping motor & Driver & Controller
- (O) Graphic panel
- (P) Production stoppage models & replacement

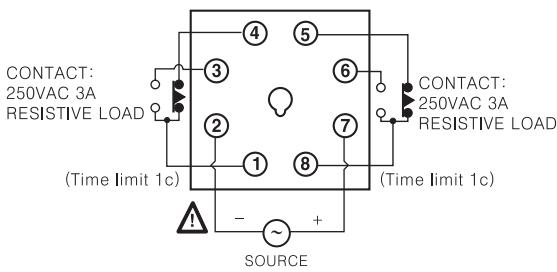
# ATE Series

## ■ Sơ đồ kết nối

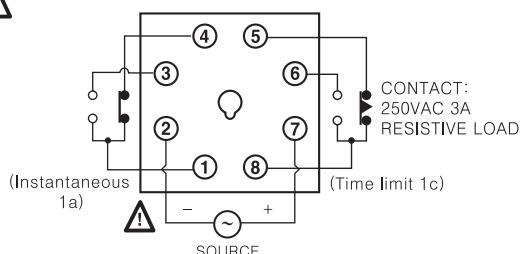
### • ATE Series



### • ATE1 Series

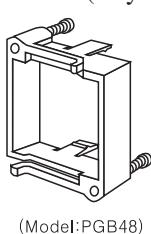


### • ATE Series

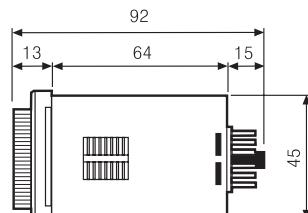
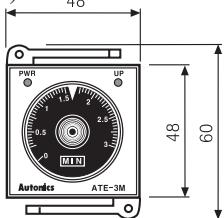


## ■ Kích thước

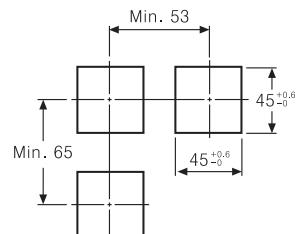
### • Giá đỡ (Tùy chọn)



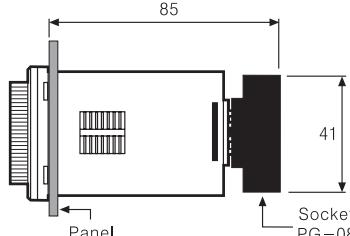
(Model: PGB48)



### • Mặt cắt



Đơn vị: mm



## ■ Hướng dẫn sử dụng

### ○ Môi trường

Hãy tránh những nơi sau đây:

- Nơi mà sản phẩm này có thể hư hỏng do chấn động hoặc tác động mạnh.
- Nơi có khí ăn mòn hoặc khí dễ cháy và nước, dầu, bụi bẩn tồn tại.
- Nơi mà nhiễu điện và điện tử xảy ra.
- Nơi có nhiệt độ và độ ẩm cao vượt quá thông số kỹ thuật định mức.
- Nơi có độ kiềm và axít mạnh.
- Nơi có tia sáng mặt trời chiếu trực tiếp.

### ○ Nhiêu

- 1) Chúng tôi đã test 2kV, độ rộng xung 1μs để phòng xung lực điện áp giữa các đầu nối nguồn và 1kV, độ rộng xung 1μs nhiễu do máy móc chống lại nhiễu điện áp bên ngoài.  
Hãy lắp đặt tụ điện MP (0.1 ~ 1μF) hoặc dầu cách điện giữa các đầu nối nguồn khi xung lực nhiễu điện áp xảy ra vượt quá.
- 2) Khi test điện áp môi và điện trở cách ly của bảng điều khiển với thiết bị này được lắp đặt.
  - Hãy cách ly thiết bị này từ mạch của bảng điều khiển.
  - Hãy làm cho các đầu nối của thiết bị này được dính mạch.  
(Nó ngăn chặn hư hỏng mạch bên trong)